

DANH SÁCH XÉT TUYỂN ĐỢT 3 NĂM 2025

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
1	101	6720301	2022	Nguyễn Ngọc	Dương	17/08/2004	Nam	1901		19025	2	6.9	7.1	7.9	22.2
2	1127	6720301	2022	Nguyễn Hà Ngọc	Đức	21/06/2004	Nam	1902		18069	1	5.9	6.2	6.2	19.1
3	1169	6720301	2025	Nguyễn Thanh	Thảo	26/08/2007	Nữ	1903		19027	2	7.92	8.11	8.43	24.7
4	1233	6720301	2025	Nguyễn Thị	Tuyết	12/09/2007	Nữ	1904		19015	2NT	6.5	6.8	7.2	21.0
5	1243	6720301	2025	Nguyễn Thị Thuý	Dương	04/11/2007	Nữ	1905		19025	2	7.3	7.5	7.5	22.6
6	1285	6720301	2025	Nguyễn Thanh	Trúc	10/03/2007	Nữ	1906		19050	2	7.58	7.27	7.79	22.9
7	1324	6720301	2025	Nguyễn Văn	Thịnh	05/08/2007	Nam	1907		19069	2NT	6.7	6.9	7.6	21.7
8	1335	6720301	2020	Đàm Thị	Thọ	09/01/2002	Nữ	1908		6018	1	7.1	6.9	7	21.8
9	1371	6720301	2024	Nguyễn Thị	Phượng	10/01/2006	Nữ	1909		19014	2NT	7.5	7.2	7.8	23.0
10	1381	6720301	2025	Nguyễn Thu	Ánh	22/08/2007	Nữ	1910		19019	2NT	7.6	7.9	7.8	23.8
11	1382	6720301	2025	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	08/12/2007	Nữ	1911		19027	2	8.2	8.2	8.2	24.9
12	1385	6720301	2025	Nguyễn Phúc Hoàng	Châu	30/04/2007	Nữ	1912		19027	2	7.76	7.7	8	23.7
13	1420	6720301	2025	Nguyễn Ngọc	Ánh	22/12/2007	Nữ	1913		1232	2	6.7	6.8	8.1	21.9
14	1423	6720301	2025	Hoàng Thu	Thuý	04/01/2007	Nữ	1914		19010	2NT	8.3	8.5	8.1	25.4
15	1429	6720301	2025	Nguyễn Thị Thanh	Thư	07/01/2007	Nữ	1915		19010	2NT	6.9	7.2	7.1	21.7
16	1431	6720301	2025	Nguyễn Vũ Hải	Yến	05/11/2007	Nữ	1916		19036	2	7	7	8.1	22.4
17	1462	6720301	2025	Hà Ngọc	Ánh	23/11/2007	Nữ	1917		19019	2NT	6.7	7.2	6.9	21.3
18	1466	6720301	2025	Nguyễn Quỳnh	Ánh	21/08/2007	Nữ	1918		19047	2NT	6.6	6	7.9	21.0
19	1476	6720301	2025	Nguyễn Ngọc	Hùng	10/11/2007	Nam	1919		19035	2NT	6.5	7	7.8	21.8

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT UT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
20	1481	6720301	2025	Ngọc Mai Diệu	Châu	17/01/2007	Nữ	1920		17082	1	7.3	7.8	8.6	24.5
21	1483	6720301	2024	Phạm Thị Thúy	Kiều	03/08/2006	Nữ	1921		19027	2	7.8	7.7	7.9	23.7
22	1491	6720301	2025	Vương Như	Anh	24/11/2007	Nữ	1922		19014	2NT	7.5	7.7	8.1	23.8
23	1516	6720301	2025	Nguyễn Thị Mai	Trang	23/06/2007	Nữ	1923		19014	2NT	7.9	7.8	7.7	23.9
24	1519	6720301	2025	Lê Nam	Anh	12/10/2007	Nam	1924		19001	2	6.84	6.99	8.09	22.2
25	1551	6720301	2025	Nguyễn Thị	Huyền	06/10/2007	Nữ	1925		19027	2	7.7	7.9	7.9	23.8
26	1688	6720301	2025	Nguyễn Thị Linh	Chi	13/12/2007	Nữ	1926		19014	2NT	7.8	8.3	7.6	24.2
27	1556	6720301	2025	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/10/2007	Nữ	1927		19064	2	6.93	6.85	7.7	21.7
28	1575	6720301	2022	Nguyễn Thế	Thúc	25/03/2004	Nam	1928		19018	2NT	6.8	7.3	7.9	22.5
29	1583	6720301	2025	Nguyễn Quỳnh	Anh	19/09/2007	Nữ	1929		19031	2	7.2	7.7	8.3	23.5
30	1584	6720301	2025	Cao Mai	Trang	26/07/2007	Nữ	1930		19014	2NT	7.06	7.12	7.8	22.5
31	1626	6720301	2013	Ngô Thị Thanh	Hương	02/11/1995	Nữ	1931		19036	2	6.7	6.7	6.9	20.6
32	1623	6720301	2025	Mai Lan	Anh	20/05/2007	Nữ	1932		19019	2NT	7.9	8	8.3	24.7
33	1644	6720301	2025	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	26/11/2007	Nữ	1933		19014	2NT	6.6	7.3	6.7	21.1
34	1659	6720301	2025	Nguyễn Văn	Dũng	20/02/2007	Nam	1934		19010	2NT	7.6	7.6	7.3	23.0
35	1677	6720301	2025	Nguyễn Đình Hải	Phong	28/12/2007	Nam	1935		19014	2NT	6.62	7.05	6.86	21.0
36	1681	6720301	2023	Trần Thị Thu	Hiền	30/04/2005	Nữ	1936		19017	2	7.7	8.1	8.1	24.2
37	1749	6720301	2025	Nguyễn Văn	Thế	16/06/2007	Nữ	1937		19049	2NT	7.14	7.7	8.21	23.6
38	1701	6720301	2025	Nguyễn Thị Vân	Ly	24/06/2007	Nữ	1938		19024	2NT	7.5	7.7	7.7	23.4
39	1708	6720301	2025	Nguyễn Thị	Hải	03/12/2007	Nữ	1939		19025	2	7.7	7.8	8.4	24.2
40	1724	6720301	2025	Nguyễn Thị	Huyền	09/12/2007	Nữ	1940		19050	2	6.86	7.33	7.73	22.2
41	1729	6720301	2025	Lê Thúy	Nga	16/06/2007	Nữ	1941		19023	2NT	7.4	7.9	8	23.8
42	1738	6720301	2025	Lục Đức	Duy	11/08/2007	Nam	1942		19031	2	6.19	7.68	8.43	22.6
43	1755	6720301	2023	Nguyễn Phương	Thanh	29/12/2005	Nữ	1943		19054	2NT	5.9	6.2	8	20.6

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
44	1780	6720301	2025	Nguyễn Thuý	Ngân	25/02/2007	Nữ	1944		19025	2	7.3	8	8.1	23.7
45	1925	6720301	2025	Lê Thị	Thảo	23/05/2007	Nữ	1945		19041	2	6.3	7.2	7.8	21.6
46	1796	6720301	2025	Nguyễn Kim	Ngân	09/12/2007	Nữ	1946		19036	2	7.5	7.7	8.3	23.8
47	1799	6720301	2025	Nguyễn Thị Hà	Phuong	16/03/2007	Nữ	1947		19014	2NT	8	8.1	8.3	24.9
48	1820	6720301	2024	Thân Thị Bích	Hà	20/07/2006	Nữ	1948		19047	2NT	6.9	7.2	7.7	22.3
49	1829	6720301	2019	Bùi Thị	Thảo	26/08/2001	Nữ	1949		21018	2	6.9	7.3	6.6	21.1
50	1854	6720301	2025	Nguyễn Hà	Linh	27/03/2007	Nữ	1950		19049	2NT	7.6	8.1	8	24.2
51	1859	6720301	2025	Chu Hồng	Ánh	07/03/2007	Nữ	1951		19036	2	7.2	7.2	8.2	22.9
52	1873	6720301	2025	Vũ Thuý	Hằng	09/02/2007	Nữ	1952		19036	2	7	7.1	8.3	22.7
53	1886	6720301	2025	Nguyễn Thị	Ngọc	27/10/2007	Nữ	1953		19025	2	7.5	7.7	7.8	23.3
54	1914	6720301	2025	Ngô Thị Diễm	Quỳnh	28/02/2007	Nữ	1954		19027	2	7.8	8.2	8.3	24.6
55	1919	6720301	2025	Nguyễn Thị Bích	Ngân	18/05/2007	Nữ	1955		19035	2NT	7.3	7.4	7.9	23.1
56	1943	6720301	2025	Nguyễn Thị	Nhã	05/06/2007	Nữ	1956		19049	2NT	7.3	7.5	7.7	23.0
57	1948	6720301	2025	Nguyễn Thị Xuân	Loan	09/11/2007	Nữ	1957		19023	2NT	6.5	7.2	6.8	21.0
58	1955	6720301	2025	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	25/06/2007	Nữ	1958		19019	2NT	6.8	7.1	7.3	21.7
59	1958	6720301	2025	Dương Triệu	Ngọc	16/12/2007	Nam	1959		19014	2NT	7.2	7.3	7.5	22.5
60	1965	6720301	2025	Lê Thị Thu	Phuong	17/01/2007	Nữ	1960		19054	2NT	5.83	5.93	7.91	20.2
61	1968	6720301	2025	Viêm Thị Hai	Lý	04/01/2007	Nữ	1961		19050	2	7.6	7.7	8.3	23.9
62	1969	6720301	2025	Trần Thị Thủy	Dung	20/04/2007	Nữ	1962		19035	2NT	7.8	7.8	8.2	24.3
63	1981	6720301	2025	Lê Thị Lan	Anh	11/02/2007	Nữ	1963		19019	2NT	8.2	8.2	8.2	25.1
64	1985	6720301	2025	Trần Thị	Huyền	11/09/2007	Nữ	1964		19033	2NT	7.9	8.3	8	24.7
65	1986	6720301	2025	Phạm Thị Quỳnh	Chi	01/12/2007	Nữ	1965		19014	2NT	7.4	7.8	7.5	23.2
66	1999	6720301	2025	Nguyễn Thị Ánh	Dương	25/05/2007	Nữ	1966		19038	2NT	6.4	6.1	7.5	20.5
67	2000	6720301	2025	Kiều Thị Ngọc	Bích	19/08/2007	Nữ	1967		19038	2NT	6.4	6.1	7.5	20.5

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
68	2001	6720301	2025	Phạm Thị Đào Như	Quỳnh	27/09/2007	Nữ	1968		19014	2NT	7.8	7.8	7.8	23.9
69	2005	6720301	2025	Nguyễn Thị Mai	Hoa	18/10/2007	Nữ	1969		19042	2NT	7.1	7.5	7.9	23.0
70	2020	6720301	2025	Trần Thị Khánh	Linh	27/02/2007	Nữ	1970		19027	2	7.9	8.2	7.9	24.3
71	945	6720201	2025	Vũ Phương	Thảo	15/10/2007	Nữ	1971		19048	2NT	6.2	7.1	6.9	20.7
72	1230	6720201	2024	Lò Văn	Huy	22/08/2006	Nam	1972		14014	1	6.9	7.2	7.3	22.2
73	1291	6720201	2025	Mạ Khánh	Linh	06/12/2007	Nữ	1973		9031	1	6.2	7	7.5	21.5
74	1359	6720201	2024	Vũ Thuý	Ngân	26/10/2006	Nữ	1974		19022	2NT	7	7.5	7.6	22.6
75	1375	6720201	2024	Đỗ Thị	Huệ	15/04/2006	Nữ	1975		19010	2NT	6.8	7.5	7.8	22.6
76	1414	6720201	2024	Nguyễn Tiến	Bắc	24/11/2006	Nam	1976		19035	2NT	7.7	8.8	9	26.0
77	1419	6720201	2025	Vũ Thị Hồng	Ngọc	22/04/2007	Nữ	1977		18030	1	6.5	7	7.7	22.0
78	1482	6720201	2025	Lê Trang	Nhung	08/02/2007	Nữ	1978		19050	2	7.42	6.97	7.76	22.4
79	1492	6720201	2025	Nguyen Van Duy	Anh	10/01/2007	Nam	1979		19031	2	5.9	6.9	8.5	21.6
80	1507	6720201	2023	Nguyễn Thị Minh	Hiền	05/10/2005	Nữ	1980		19012	2	8	8	8.3	24.6
81	1536	6720201	2025	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	31/10/2007	Nữ	1981		19021	2NT	6.7	6.6	6.8	20.6
82	1598	6720201	2025	Nguyễn Thị	Oanh	02/03/2007	Nữ	1982		19027	2	7.7	7.7	7.7	23.4
83	1675	6720201	2025	Trần Thị	Uyên	24/05/2007	Nữ	1983		19043	2NT	6.4	6.5	8	21.4
84	1747	6720201	2023	Nguyễn Hoàng	Son	24/07/2005	Nam	1984		17004	2	7.5	7.9	7.6	23.3
85	1754	6720201	2024	Nguyễn Thị	Mai	22/01/2006	Nữ	1985		19026	2NT	7.4	7.6	8	23.5
86	1768	6720201	2023	Đinh Thị Thu	Hằng	27/10/2005	Nữ	1986		19040	2NT	7	7	7.6	22.1
87	1774	6720201	2025	Nguyễn Thị	Linh	14/11/2007	Nữ	1987		19010	2NT	6.3	6.8	6.7	20.3
88	1869	6720201	2025	Nguyễn Lan	Huong	07/08/2007	Nữ	1988		19027	2	7.5	7.6	7.7	23.1
89	1887	6720201	2025	Nguyễn Thị Diệu	Huong	28/09/2007	Nữ	1989		18023	1	6.4	6.3	7.1	20.6
90	1901	6720201	2025	Nguyễn Thủy	Tiên	21/12/2007	Nữ	1990		19010	2NT	7.1	7.2	8.1	22.9
91	1908	6720201	2025	Nguyễn Thành	Đạt	21/05/2007	Nam	1991		19022	2NT	7.3	7.5	7	22.3

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
92	1918	6720201	2025	Tổng Thị	Thương	09/06/2007	Nữ	1992		19042	2NT	6.3	6.4	7.3	20.5
93	1942	6720201	2025	Nguyễn Thuý	Hường	02/11/2007	Nữ	1993		19025	2	7.6	8.1	8.5	24.5
94	1947	6720201	2025	Nguyễn Hà	Anh	19/10/2007	Nữ	1994		19031	2	5.9	7	7.9	21.1
95	1977	6720201	2025	Ngô Thị Khánh	Ly	01/11/2007	Nữ	1995		19025	2	7.3	7.9	8	23.5
96	1979	6720201	2025	Chữ Thuý	Trang	24/07/2007	Nữ	1996		19036	2	7.4	7.6	8.2	23.5
97	1980	6720201	2025	Nguyễn Khánh	Chi	20/02/2007	Nữ	1997		19027	2	7.3	7.6	7.8	23.0
98	1991	6720201	2025	Đàm Thị Mai	Anh	15/11/2007	Nữ	1998		19023	2NT	7.3	7.9	8	23.7
99	1993	6720201	2025	Vương Thị Thu	Trang	15/09/2007	Nữ	1999		19023	2NT	7	7.4	7.2	22.1
100	916	6720101	2024	Nguyễn Đăng	Mạnh	05/03/2006	Nam	2000		19033	2NT	8.3	8.2	8	25.0
101	967	6720101	2010	Đinh Thị	Vân	17/10/1992	Nữ	2001		19024	2NT	6.4	7.1	6.9	20.9
102	1118	6720101	2024	Trần Mạnh	Quỳnh	17/08/2006	Nam	2002		18063	2NT	7.1	7.3	7.6	22.5
103	1162	6720101	2025	Phạm Trung	Kiên	19/03/2007	Nam	2003		19030	2NT	7.4	7.6	8.3	23.8
104	1165	6720101	2024	Vũ Kim	Huệ	18/08/2006	Nữ	2004		19027	2	7.9	8	8.2	24.4
105	1222	6720101	2024	Nguyễn Thị	Hạnh	20/02/2006	Nữ	2005		19024	2NT	7.8	7.6	7.7	23.6
106	1226	6720101	2025	Nguyễn Hải	An	31/07/2007	Nam	2006		19030	2NT	7.3	7.5	7.9	23.2
107	1254	6720101	2025	Nguyễn Thuý	Linh	29/10/2007	Nữ	2007		19014	2NT	8.1	8.6	8.5	25.7
108	1296	6720101	2025	Trần Đình	Nam	18/06/2007	Nam	2008		19012	2	7.4	7.4	7.7	22.8
109	1386	6720101	2025	Đặng Thu	Phuong	12/12/2007	Nữ	2009		19015	2NT	7.1	7.4	7.9	22.9
110	1389	6720101	2025	Trần Thị Phương	Linh	12/05/2007	Nữ	2010		19012	2	8.3	8.3	8.5	25.4
111	1440	6720101	2025	Ngô Ngọc	Quyen	05/08/2007	Nữ	2011		19031	2	6.5	7.1	8.5	22.4
112	1480	6720101	2025	Dương Đức	Mạnh	03/10/2007	Nam	2012		18074	1	6.5	6.4	7.1	20.8
113	1517	6720101	2025	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/07/2007	Nữ	2013		19019	2NT	6.9	7.5	7.3	22.2
114	1525	6720101	2025	Trịnh Vũ Khánh	Linh	12/07/2007	Nữ	2014		19032	2NT	7.3	7.2	8	23.0
115	1611	6720101	2025	Mẫn Bá	Vương	03/10/2007	Nam	2015		19032	2NT	7.3	7.2	8.1	23.1

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
116	1680	6720101	2025	Trịnh Thị Phương	Linh	16/10/2007	Nữ	2016		19011	2NT	7.7	8.6	8.3	25.1
117	1716	6720101	2025	Ngô Thị Khánh	Ly	18/06/2007	Nữ	2017		19022	2NT	7.9	7.9	7.8	24.1
118	1751	6720101	2018	Đỗ Quang	Huy	15/11/2000	Nam	2018		17005	2	7.2	7	7.2	21.7
119	1764	6720101	2025	Nguyễn Mạnh	Huân	15/01/2007	Nam	2019		19022	2NT	7	7.7	8.6	23.8
120	1767	6720101	2025	Nguyễn Ngọc Mai	Anh	01/01/2007	Nữ	2020		19012	2	7	7.6	7.6	22.5
121	1787	6720101	2023	Phan Trọng	Nghĩa	09/08/2005	Nam	2021		19013	2	8.5	8.5	8.7	26.0
122	1813	6720101	2025	Nguyễn Lưu Thành	Chuẩn	20/08/2007	Nam	2022		19015	2NT	6.6	6.3	7.1	20.5
123	1830	6720101	2021	Lê Tiến	Đức	11/10/2003	Nam	2023		19035	2NT	7.6	7.9	8.2	24.2
124	1832	6720101	2025	Trần Quốc	Toàn	19/01/2007	Nam	2024		19032	2NT	6.9	6.9	7.5	21.8
125	1407	6720603	2025	Nguyễn Hồng	Khôi	14/11/2007	Nam	2025		1207	3	7.3	7.6	7.9	22.8
126	1446	6720603	2025	Trần Nguyễn Ngọc	Minh	09/11/2007	Nữ	2026		19017	2	7.9	7.5	7.6	23.3
127	1725	6720603	2025	Bùi Thu	Hương	16/12/2007	Nữ	2027		19010	2NT	8.4	8.7	8.9	26.5
128	1920	6720603	2025	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/03/2007	Nữ	2028		19035	2NT	7.1	8.1	8.3	24.0
129	1930	6720603	2025	Nguyễn Thị Kim	Chi	27/10/2007	Nữ	2029		19049	2NT	7.8	7.4	7.4	23.1
130	930	6720102	2016	Vy Văn	Hoàng	08/12/1998	Nam	2030		10033	1	5.9	5.9	5.9	18.5
131	1133	6720102	2017	Phạm Thị Thu	Quỳnh	29/07/1999	Nữ	2031		18019	1	7	7	7.4	22.2
132	1151	6720102	2009	Mai Thị Thu	Thủy	03/02/1991	Nữ	2032		19019	2NT	6.8	6.5	6.8	20.6
133	1244	6720102	2025	Đinh Quốc	An	22/09/2007	Nam	2033		19015	2NT	6.4	5.8	6.9	19.6
134	1297	6720102	2024	Trần Văn	Hiếu	28/12/2006	Nam	2034		18022	1	5.3	6.2	7.6	19.9
135	1334	6720102	2025	Phạm Văn	Phúc	23/06/2007	Nam	2035		18017	1	6.7	6.9	7.1	21.5
136	1504	6720102	2025	Lưu Ngọc	Ánh	15/10/2007	Nữ	2036		19027	2	7.8	8.1	8.5	24.7
137	1515	6720102	2025	Từ Phương	Yến	20/07/2007	Nữ	2037		18030	1	7.3	7.1	8	23.2
138	1522	6720102	2022	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	10/10/2004	Nữ	2038		19066	2NT	6.7	7	7.5	21.7
139	1748	6720102	2007	Nguyễn Thị	Tú	02/11/1989	Nữ	2039		19020	2NT	6.6	6.3	6.5	19.9

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT UT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC
140	1758	6720102	2025	Nguyễn Thành	Hùng	18/06/2007	Nữ	2040		19041	2	5.9	5.9	7.3	19.4
141	1762	6720102	2025	Vũ Thị Thanh	Tâm	23/11/2007	Nữ	2041		19064	2	6.9	6.9	7.7	21.8
142	1785	6720102	2025	Lê Văn	Anh	05/08/2007	Nam	2042		19010	2NT	6.5	6.2	6.9	20.1
143	1802	6720102	2025	Nguyễn Duy	Chiến	17/10/2007	Nam	2043		1230	2	7.5	8.08	8.71	24.5
144	1816	6720102	2025	Nguyễn Hữu	Huy	19/11/2007	Nam	2044		19035	2NT	7.8	8.2	8.3	24.8
145	1823	6720102	2025	Đinh Thị Quỳnh	Hương	29/06/2007	Nữ	2045		19010	2NT	6.6	6.9	6.8	20.8
146	1831	6720102	2025	Nguyễn Đình	Đạt	02/05/2007	Nam	2046		19027	2	7.53	7.63	7.63	23.0
147	1840	6720102	2025	Nguyễn Đức	Nam	18/04/2007	Nữ	2047		18067	2	5.2	5.4	6.9	17.8

CÁN BỘ NHẬP ĐIỂM 1

CÁN BỘ KIỂM DÒ 1

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CÁN BỘ NHẬP ĐIỂM 2

CÁN BỘ KIỂM DÒ 2



*Nguyễn Thị Dung

Đào Thị Thuý Nguyễn

Phạm Việt Dũng